TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2026/QĐST-KDTM	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Điều 4; Điều 10 và Điều 56 của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự "*Tranh chấp hợp đồng thuê nhà*" thụ lý số 17/2026/TLST-KDTM ngày 22 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2026 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A;

Địa chỉ: 49 Trần Quốc T, phường X, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Huỳnh Phương Trúc M và bà Lê Thị Thùy D – Là đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 07/8/2024).

Bị đơn: Công ty B;

Trụ sở: 1093 Tạ Quang B, phường B (Phường A, Quận A cũ), Thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Phúc T, sinh năm 1969 – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: 24 Lão T, phường C, Thành phố H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Bà Huỳnh Phương Trúc M và bà Lê Thị Thùy D là đại diện nguyên đơn Công ty A và ông Lưu Phúc T là đại diện bị đơn Công ty B thống nhất:

- Công ty B còn nợ Công ty A số tiền tính đến ngày 04/11/2024 là 648.635.200 đồng (*Sáu trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm đồng*). Trong đó: Tiền thuê nhà là: 641.680.000 đồng; Tiền phạt chậm trả là 6.955.200 đồng

- Công ty B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty A số tiền tính đến ngày 04/11/2024 là 648.635.200 đồng (*Sáu trăm bốn mươi tám triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn hai trăm đồng*). Trả một lần ngay sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật.

1.3/ Kể từ ngày A có đơn yêu cầu thi hành án Công ty B còn phải chịu lãi phạt do chậm thi hành án của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định của Pháp luật.

2.2/ *Về án phí*: Án phí dân sự sơ thẩm là 14.972.704 đồng (*Mười bốn triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm linh bốn đồng*) Công ty B tự nguyện chịu.

Công ty A không chịu án phí, hoàn lại cho Công ty A số tiền 14.972.704 đồng *Mười bốn triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn bảy trăm linh bốn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0033285 ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6a, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 10-TP.HCM;
- Thi hành án dân sự TP.HCM
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Thị Trang